

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Vui;

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 243/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà A, sinh năm 1988; HKTT: Tổ 7, ấp K, xã X, huyện Y, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông B, sinh năm 1988; HKTT: Ấp L, xã H, huyện Y, tỉnh Bình Dương. Nơi cư trú: Tổ 7, ấp K, xã X, huyện Y, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/7/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn (bà A) trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà A và ông B chung sống với nhau từ năm 2015. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 20/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Bình Dương.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi

nhau, nhiều lần bị ông B bạo hành, giữa vợ chồng sống chung không còn tình cảm, không có hạnh phúc. Hiện nay, bà A thấy rằng tình trạng hôn nhân đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông B.

- *Về con chung*: Bà A và ông B có 01 con chung tên C, sinh ngày 21/02/2016. Khi ly hôn bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08/10/2019 và đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 08/10/2019 bị đơn (ông B) trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông B thống nhất ý kiến với bà A về quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà A là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 20/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Bình Dương.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nhưng theo ông B mâu thuẫn không lớn. Ông B vẫn còn yêu thương vợ con nên không muốn ly hôn.

- *Về con chung*: Ông B và bà A có 01 con chung tên C, sinh ngày 21/02/2016. Do không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết vấn đề con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Do không đồng ý ly hôn, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét gồm:

Đơn khởi kiện đề ngày 30/7/2019(nộp ngày 31/7/2019); 01 bản sao giấy chứng minh nhân dân của nguyên đơn; sổ hộ khẩu của nguyên đơn; giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 12, quyển số 01/2015, ngày 20/3/2015 do Ủy ban nhân dân xã X cấp; trích lục khai sinh C; bản tự khai của nguyên đơn; bản tự khai của bị đơn; đơn xin giải quyết vắng mặt của bị đơn; biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân.

Nguyên đơn kiên quyết ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn đã ở mức trầm trọng, bị đơn không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn thương vợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà A khởi kiện ông B về việc ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên C, sinh ngày 21/02/2016, bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi. Ông B có nơi cư trú tại ấp K, xã X, huyện Y, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[1.2] Tại phiên tòa, bà A có mặt, ông B có đơn xin giải quyết vắng mặt. Việc vắng mặt của ông B là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông B chung sống với nhau từ năm 2015. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo luật định tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Bình Dương, theo giấy đăng ký kết hôn số 12, quyển số 01/2015, ngày 20/3/2015. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác... và lý do chính đáng khác. Mặc dù bà A và ông B vẫn chung sống cùng một mái nhà nhưng không có sự quan tâm, chia sẻ để cùng nhau giải quyết những bất đồng. Ông B trình bày việc ông B còn thương yêu vợ con, không muốn ly hôn nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Mặt khác, Tòa án triệu tập ông B tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tìm cách hàn gắn cho bà A và ông B, nhưng ông B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Điều này thể hiện việc ông B không có thiện chí hòa giải với bà A như ông B đã trình bày. Theo lời trình bày của bà A thì trong cuộc sống gia đình ông B có hành vi bạo hành, bà A có nhờ đến chính quyền giải quyết nhưng không giải quyết được. Lời trình bày của bà A về tình trạng hôn nhân phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, do vậy Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà A và ông B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, yêu cầu ly hôn của bà A là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên C, sinh ngày 21/02/2016 và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã triệu tập ông B tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để ông B trình bày về nguyện vọng của mình đối với con chung là cháu C, tuy nhiên ông B xin vắng mặt, cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà A về vấn đề con chung. Theo bà A trình bày thì ông B làm công việc tại khu công nghiệp R, thuộc thị xã T, không có điều kiện chăm sóc cháu C tốt hơn bà A, Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao con chung cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà A về việc không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà A không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 9, 19, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của bà A đối với ông B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà A được ly hôn với ông B.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 12, Quyển số 01/2015 ngày 20/3/2015 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Bình Dương cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà A được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên C, sinh ngày 21/02/2016. Ghi nhận sự tự nguyện của bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con

làm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

II. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Án phí ly hôn: Bà A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0031890 ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 05/11/2019).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Ngọc Lan